

Bản án số: **07/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/02/2021

"Về việc ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AM, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Nguyễn Hữu Cương

- Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AM, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A M, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thùy Tr**, sinh năm 1994 (Vắng mặt có đơn);

Nơi đăng ký HK: ấp Ngọc Hòa, xã Đông Hưng A, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

Địa chỉ: ấp Bần B, xã Thuận Hòa, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Anh **Hà Văn T**, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Ngọc Hoà, xã Đông Hưng A, huyện A M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 16/6/2020 nguyên đơn chị Tr trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Tr và anh T kết hôn với nhau vào ngày 23/7/2014, tại UBND xã Đông Hưng A, huyện AM và được chứng nhận kết hôn.

Quá trình chung sống thì chị Tr và anh T không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi làm mất hạnh phúc, anh T không quan tâm gì đối với chị Tr, chị nói với anh thì anh T dùng lời nói năng nhẹ với chị, chị cố gắng nhẫn nhịn để vợ

chồng sống hạnh phúc, nhưng càng ngày thì anh T càng cư xử với chị nhạt nhẽo nhiều hơn nên chị làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị Tr xác định có 01 con chung đặt tên Hà Trí Hào, sinh ngày 11/01/2015. Hiện nay chị Tr đang nuôi. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ: Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn T không ý kiến trình bày

Tại phiên tòa: Chị Tr và anh T vắng mặt, không ý kiến trình bày.

* *Kiểm sát viên phát biểu:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay bị đơn anh T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định theo pháp luật Tố tụng dân sự.

* *Ý kiến về giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Tr và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông Hưng A, huyện A M năm 2014 nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, nên chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh T, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn thời gian kéo dài mà không đoàn tụ được, quá trình thụ lý vụ án đến nay anh không ý kiến trình bày, xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tr đối với anh T, cho chị Tr được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Tr và anh T có được 01 đứa con tên Hà Trí Hào, sinh ngày 11/01/2015, Hiện nay chị Tr đang nuôi đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Tr. Khi ly hôn giao con cho chị Tr nuôi, về cấp dưỡng chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản, về nợ chung: Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt không lý do, chị Tr nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn vụ án vắng mặt anh T và chị Tr theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Chị Tr và anh T có đăng ký kết năm 2014, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Tr có đơn khởi kiện xin ly hôn, xét thấy, hôn nhân giữa chị Tr và anh T được xác định là hôn nhân hợp pháp là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh T thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau nên đã sống ly thân với nhau một thời gian dài không ai quan tâm gì với nhau, nên chị Tr xác định chị và anh T không thể tiếp tục chung sống với nhau chị yêu cầu được ly hôn với anh T nên HĐXX xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Tr và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu sống với nhau kéo dài thời gian không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận ý kiến của kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Tr cho chị Tr được ly hôn với anh T phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung: Chị Tr xác định có 01 con chung tên Hà Trí Hào, sinh ngày 11/01/2015, hiện nay chị Tr đang nuôi dưỡng, xét thấy từ khi chị Tr và anh T ly thân nhau cho đến nay cháu Hào do chị Tr nuôi dưỡng, cháu ổn định phát triển thể chất bình thường nên chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao cháu Hào cho chị Tr nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

[6] Về tài sản, về nợ chung: Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thùy Tr được ly hôn với anh Hà Văn T.

[2] Về con chung: Chị Tr và anh T có 01 con chung tên Hà Trí Hào, sinh ngày 11/01/2015, khi ly hôn giao cháo Hào cho chị Tr nuôi dưỡng (hiện nay Trí Hào đang sống với chị Tr)

[3] Về cấp dưỡng: Chị Tr không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản, về nợ chung: Chị Tr xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Thùy Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000đ mà chị Tr tạm nộp theo biên lai 0005955 ngày 14/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, chị Tr đã nộp xong tiền án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản chính của bản án này niêm yết theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện A M;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông hưng A;
- Chi cục THADS huyện AM;

Lê Mỹ Huê